

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP

**NHỮNG NỘI DUNG TÁC PHẨM “MỘT SỐ VẤN ĐỀ
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở
VIỆT NAM” CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

(Dùng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong Nhân dân)

LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2021), bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam có bài viết rất quan trọng với tiêu đề: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”. Bài viết của Tổng Bí thư đặc biệt có ý nghĩa cả về tư tưởng - lý luận và thực tiễn; tác động to lớn, lan tỏa sâu rộng đến tư tưởng, tình cảm, hành động của mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Ngay sau đó, Hội đồng Lý luận Trung ương đã phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Cuốn sách lựa chọn 29 bài viết, bài phát biểu tiêu biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Nội dung các bài viết, bài phát biểu thể hiện tầm cao lý luận, bàn về những vấn đề lý luận rất rộng, nhưng cách trình bày lại rất dung dị, chất lọc, tổng kết thực tiễn, lấy đời sống thực tiễn để chứng minh, thuyết phục.

Để giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, hiểu rõ và tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức biên soạn tài liệu hỏi - đáp về nội dung chủ yếu của tác phẩm “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Tài liệu chọn lọc những nội dung cốt lõi trong tác phẩm “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” và những bài viết, bài phát biểu tiêu biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Tài liệu gồm 4 phần:

Phần thứ nhất, Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội mà không chọn con đường tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ hai, Mô hình Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Phần thứ ba, Con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thành tựu và hạn chế.

Phần thứ tư, Những vấn đề đặt ra và những chủ trương, giải pháp để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu tài liệu đến bạn đọc!

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ GÌ?
VÌ SAO VIỆT NAM LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ
HỘI MÀ KHÔNG CHỌN CON ĐƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA**

Câu hỏi 1: Chủ nghĩa xã hội trong bài viết của Tổng Bí thư được hiểu như thế nào?

Đáp:

Theo Tổng Bí thư: “Chủ nghĩa xã hội thường được hiểu với ba tư cách: Chủ nghĩa xã hội là một *học thuyết*; chủ nghĩa xã hội là một *phong trào*; chủ nghĩa xã hội là một *chế độ*. Mỗi tư cách ấy lại có nhiều biểu hiện khác nhau, tùy theo thế giới quan và trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể.

Chủ nghĩa xã hội đề cập bài viết là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay.

Chủ nghĩa xã hội dựa trên học thuyết Mác - Lênin trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”, “là công bằng hợp lý: Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”, “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần được xóa bỏ. Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”... Vì thế, “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”.

Câu hỏi 2: Có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời vẫn đang phát triển tốt đẹp hay không?

Đáp:

Trong bài viết của mình về “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: “Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học và công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiên bộ hơn so với trước. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn

tiếp tục diễn ra. Đặc biệt, năm 2008 - 2009, chúng ta đã chứng kiến cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới. Vừa qua, chúng ta lại chứng kiến cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa, cụ thể: Đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu hỏi 3: Hệ thống quyền lực tại các nước tư bản chủ nghĩa có thực sự thuộc về nhân dân hay không?

Đáp:

Trong thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa, hệ thống quyền lực không thực sự thuộc về nhân dân mà vẫn thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ lợi ích các tập đoàn lớn “Từ phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức “dân chủ tự do” mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ.

Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, chỉ 1% dân số, nhưng chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội.

Sự rêu rao *binh đẳng về quyền*, nhưng không kèm theo sự *binh đẳng về điều kiện để thực hiện* các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của

đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là “tự do”, “dân chủ”, dù có thể thay đổi chính phủ, nhưng không thể thay đổi được các thế lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản.

Câu hỏi 4: Chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang hướng đến đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của quần chúng nhân dân như thế nào?

Đáp:

Trong bài viết, Tổng Bí thư đã chỉ rõ: xã hội mà chúng ta đang xây dựng bằng 5 điều “chúng ta cần”:

Thứ nhất, Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người.

Thứ hai, Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội.

Thứ ba, Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm.

Thứ tư, Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường.

Thứ năm, Chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có.

Câu hỏi 5: Để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chúng ta cần làm gì?

Đáp:

Để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chúng ta cần:

1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức;
2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;
4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;
5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng

hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế;

6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại;

7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

8. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Câu hỏi 6: Việt Nam kiên định lựa chọn con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội như thế nào?

Đáp:

Nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ, hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân với tinh thần *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, *chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc*. Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, *“bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”*.

Dưới ngọn cờ của độc lập dân tộc mà đích đến là chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tập hợp và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, làm nên Cách mạng Tháng tám năm 1945 thành công, sáng lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội - mục tiêu hướng đến của dân tộc Việt Nam là sự lựa chọn chính xác, đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ thập niên 1930, đã góp phần khơi nguồn sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp

rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011), trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta một lần nữa khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”.

Câu hỏi 7: Vì sao trong bài viết của mình, Tổng Bí thư nhấn mạnh “Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam”?

Đáp:

Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất, đã từng chiến thắng nhiều đế quốc, phong kiến hung hãn. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phong trào yêu nước đã dấy lên hết sức mạnh mẽ. Liên tiếp nổ ra các cuộc nổi dậy trên khắp mọi miền đất nước thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, các bậc sĩ phu, kể cả một bộ phận quan lại phong kiến. Điều đó chứng tỏ truyền thống yêu nước, sẵn sàng ủng hộ và tham gia các phong trào yêu nước của nhân dân ta; còn các bậc sĩ phu, các nhà lãnh đạo phong trào chống thực dân Pháp đều có trí dũng và không thiếu quyết tâm, nhưng họ, cả một số người xuất thân từ giai cấp phong kiến và tầng lớp tư sản khi đó, đều không giải quyết được vấn đề dân tộc ở nước ta.

Trong bối cảnh đó, trên con đường tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự kiện này là mốc son đánh dấu sự kết hợp các nhân tố dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong bản chất của Đảng. Tháng 02 năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, vừa ra đời Đảng tuyên bố: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người, không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc, có một xã hội tốt lành gắn liền với tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no; bảo đảm việc làm cho mọi người, tất cả vì niềm vui, hòa bình, hạnh phúc của con người.

Nhận thức, hành động theo sự lựa chọn và theo hệ giá trị đó, từ năm 1930 đến nay Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nước ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do. Thắng lợi của các cuộc kháng

chiến chống xâm lược, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Qua hơn 75 năm giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt 35 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đã tỏ rõ tính độc lập, tự chủ trong mọi đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, đưa nước ta từ một xứ thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ra khỏi tình trạng đói nghèo, kém phát triển, và đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; có quan hệ quốc tế ngày càng rộng mở, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

Như vậy, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với Việt Nam không chỉ là mục tiêu, là nhu cầu, là cương lĩnh hành động, là ngọn cờ hiệu triệu, mà còn là động lực, là niềm tin sắt son của dân tộc Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là sự gắn kết hai sức mạnh thành một sức bật mới, là cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ quá khứ, hiện tại đến tương lai.

MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Câu hỏi 8: Đảng ta đã từng bước nhận thức về xã hội Chủ nghĩa như thế nào?

Đáp:

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây như: đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ, không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...

Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát về mô hình Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với 8 đặc trưng:

“Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Câu hỏi 9: Vì sao Việt Nam đi lên Chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài?

Đáp:

Trả lời cho câu hỏi *Vì sao Việt Nam đi lên Chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài*, trong bài viết của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: “Qua chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, *nhất thiết phải*

trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới”.

Câu hỏi 10: Con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường như thế nào?

Đáp:

Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, vận dụng tư tưởng V.I. Lê Nin về quá độ “gián tiếp” đi lên chủ nghĩa xã hội ở những nước có nền kinh tế thấp, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên định vận dụng sáng tạo tư tưởng này. Trước đổi mới xác định quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là “sự quá độ gián tiếp”, nghĩa là “bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”.

Trong công cuộc đổi mới, Cương lĩnh năm 1991 đã sử dụng cụm từ "bỏ qua chế độ tư bản" và xác định: "Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp". Đến Đại hội IX, Đảng ta đã bổ sung, hoàn thiện tư tưởng này cụ thể hơn: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”. Đây là bước phát triển quan trọng của lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của Đảng ta. Tất nhiên, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa phải được nhận thức như đồng chí Tổng Bí thư đã nhấn mạnh trong bài viết: “Chúng ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp* với chế độ xã hội chủ nghĩa chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển”.

Câu hỏi 11: Đảng ta nhận thức như thế nào về quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Đáp:

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tinh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát

huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Câu hỏi 12: Vì sao nói xây dựng Chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng?

Đáp:

Từ lý luận và nhận thức về thực tiễn cho thấy, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là:

Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội.

Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hóa cho nhân dân.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Câu hỏi 13: Trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội cần những yếu tố nào để thành công?

Đáp:

Trong bài viết, Tổng Bí thư đã nhấn mạnh: Xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất

nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện.

Phần thứ ba
**CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM
THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ**

Câu hỏi 14: Trước đổi mới (1986) tình hình kinh tế - xã hội của nước ta như thế nào?

Đáp:

Trước đổi mới (1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái. Cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh hiểm nghèo và hàng trăm nghìn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất lợi cho nước ta. Lương thực, hàng hóa nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Câu hỏi 15: Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt những thành tựu gì về kinh tế?

Đáp:

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỷ đôla Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay, Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới.

Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỷ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020.

Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước,

4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu hỏi 16: Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt những thành tựu gì về xã hội?

Năm 2021, dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 1980 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước).

Năm 2020, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại. Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần ba lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020.

Nước ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hóa cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng. Đến năm 2020, Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704.

Câu hỏi 17: Thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước có ý nghĩa như thế nào?

Đáp:

Việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: Kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế

và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được “những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử”. Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện.

Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế*. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: *“Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*.”

Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới”.

Câu hỏi 18: Nước ta còn những khuyết điểm, hạn chế và thách thức nào trong quá trình phát triển?

Đáp:

Trong bài viết Tổng Bí thư đã chỉ rõ: Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền

vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập. Trong khi đó, sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Câu hỏi 19: Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, nhất là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Đảng ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý nào?

Đáp:

Một là, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Hai là, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “*dân là gốc*”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để

xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực; có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, vướng mắc; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy *dân chủ* đi đôi với giữ vững *kỷ cương*; coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; thực hiện tốt sự phối hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; tạo đột phá để phát triển.

Bốn là, tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, bảo đảm hài hòa giữa *kiên định* và *đổi mới*, *kế thừa* và *phát triển*; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; thực sự coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò động lực của con người, văn hóa, của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong phát triển đất nước.

Năm là, chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, tuyệt đối không được để bị động, bất ngờ. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn để phát triển đất nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Xử lý đúng đắn, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng; đánh giá đúng xu thế, nắm bắt trúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại. Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Những bài học kinh nghiệm đó là cơ sở quan trọng để Đảng ta tiếp tục vận dụng, phát huy và phát triển sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, giúp Đảng ta kiên định, vững vàng và tự tin vượt qua những khó khăn, thách thức mới và nhiệm vụ nặng nề hơn khi bước vào nhiệm kỳ khóa XIII.

Câu hỏi 20: Vì sao phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin?

Đáp:

Kết thúc bài viết “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh một trong những điều quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là: “*Điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết*

khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống”.

Chúng ta biết, chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống hoàn chỉnh những quan điểm triết học, kinh tế chính trị, xã hội, là học thuyết khoa học về sự phát triển trên lịch sử tự nhiên của nhân loại. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin là một chuyển biến cách mạng vĩ đại trong đời sống chính trị của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học về các quy luật của tự nhiên và xã hội, khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và xây dựng xã hội cộng sản. Đó là học thuyết duy nhất từ trước đến nay bàn về mục tiêu, điều kiện và phương pháp giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột, bất công và đói nghèo trên thế giới. Sự phát triển của toàn cầu hóa, cách mạng khoa học - công nghệ càng chứng tỏ sức sống và giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi chủ nghĩa Mác - Lênin từ rất sớm đã lý giải đầy đủ sự phát triển của thế giới đương đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt tới tầm cao trí tuệ của thời đại, thấm đậm bản sắc văn hóa và bản lĩnh của dân tộc, có sức sống mạnh mẽ, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được hoàn thiện phát triển cùng với những thắng lợi và những bước tiến lên của cách mạng nước ta, của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước.

Thực tế lịch sử đã chứng minh từ bản chất của học thuyết khoa học Mác - Lênin cũng như từ kinh nghiệm lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã chỉ ra rằng, công cuộc cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội của một quốc gia muốn giành thắng lợi thì Đảng cộng sản nước đó phải căn cứ vào tình hình cụ thể, thực tiễn lịch sử để vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cách mạng riêng của mình. Với Việt Nam, sự hoàn thiện không ngừng trong thực tiễn, tư duy lý luận của Đảng ta được nâng cao, nhận thức ngày càng đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự vận dụng và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nguyên nhân cơ bản của thắng lợi vĩ đại trong hai cuộc kháng chiến, cũng như những thành tựu to lớn qua 35 năm đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

Đúng như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần khẳng định “Đất

nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Thành quả đó đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Sự nghiệp đổi mới của nước ta đến nay đạt được những thành tựu hết sức to lớn và có ý nghĩa lịch sử cũng chính nhờ chúng ta nhận thức đúng đắn bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng một cách sáng tạo trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Câu hỏi 21: Phương pháp tốt nhất để phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

Đáp:

Phương pháp tốt nhất để phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là tiếp tục phát triển hệ thống các nguyên lý lý luận trên cơ sở thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận, giải quyết thành công những nhiệm vụ mới và trả lời được những vấn đề do cuộc sống đặt ra, nhất là trong hội nhập quốc tế.

Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề căn bản nhất trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới, phát triển văn hóa, con người và nguồn lực con người; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển của kinh tế tri thức.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, việc giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề có tính nguyên tắc, đây là yêu cầu chính trị hàng đầu đặt ra đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thể hiện tập trung nhất của giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa là sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường cách mạng mà Đảng ta, dân tộc ta đã lựa chọn. Đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc của đổi mới, đồng thời cũng là chủ trương, quan điểm của Đảng ta trong hội nhập quốc tế, mà thực chất là sự kiên định mục tiêu lý tưởng, kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Phần thứ tư
**NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN
VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP ĐỂ TỪNG BƯỚC
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

I. Về phát triển kinh tế - xã hội

Câu hỏi 22: Vì sao việc đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất cơ bản của Đảng ta* ?

Đáp:

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất cơ bản* của Đảng ta, bởi vì:

Thứ nhất, Đảng thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, chấp nhận cơ chế thị trường và khẳng định nó không đối lập với chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn khách quan, độc lập và phù hợp với xu thế vận động chung của nền kinh tế thế giới. Qua quá trình đổi mới, nhận thức này diễn ra từng bước và được kiểm nghiệm bởi thực tiễn phát triển của nền kinh tế và tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thực tiễn phát triển của nền kinh tế đất nước. Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - một thời kỳ quá độ hướng đến mục tiêu xã hội chủ nghĩa, cần một quá trình phát triển lâu dài để xây dựng được mô hình chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh, đúng nghĩa. "Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường... **Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ**". Để phù hợp và tương thích với hoàn cảnh và đặc điểm của Việt Nam, Đảng ta đã lựa chọn xây dựng mô hình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", nghĩa là luôn bám sát và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Và thực tiễn "những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế".

Thứ hai, theo nhận thức của Đảng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Thứ ba, Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng sáng tạo kinh tế thị trường - loại hình kinh tế phổ biến của xã hội loài người - vào điều kiện Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị

trường ở Việt Nam phản ánh mục tiêu, phương thức phát triển, cơ chế quản lý và phương thức phân phối của nền kinh tế, nhằm khai thác tối đa mặt tích cực, lợi thế của kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế, khắc phục mặt trái, khiếm khuyết của kinh tế thị trường, phục vụ lợi ích của mọi người dân, hướng đến thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, Khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được chính thức sử dụng trong các văn kiện Đại hội IX (tháng 4/2001) của Đảng, cụ thể: “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Từ Đại hội IX đến nay, vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đặt ra cấp bách trong các Đại hội X, XI, XII, XIII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành hai Nghị quyết chuyên đề Nghị quyết Trung ương 6 khóa X “Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra ba đột phá chiến lược phù hợp với giai đoạn mới, trong đó đột phá chiến lược thứ nhất là “Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và khẳng định “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đó là nền kinh tế hiện đại, hội nhập quốc tế, ... bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Câu hỏi 23: Vì sao nói đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất sáng tạo của Đảng ta?*

Đáp:

Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự lựa chọn sáng tạo, mang tính đột phá về lý luận của Đảng và Nhà nước ta. Có thể khái quát với những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp Việt Nam đạt được mục tiêu kép - đảm bảo tính tích cực, ưu việt của cơ chế thị trường và giữ vững được định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, một xã hội phát triển thực sự vì con người, quan tâm đến cuộc sống, chất lượng sống của người dân. Với mục tiêu này, trải qua 35 năm đổi mới, Đảng ta vẫn kiên trì thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra một bản sắc mới, rất độc đáo - bản sắc chỉ riêng có ở Việt Nam.

Hai là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp Việt Nam tận dụng được tất cả những thành tựu trí tuệ của con người để đạt được mục tiêu xây dựng “xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không những kinh tế Việt Nam phát triển tích cực, mà còn giải quyết những vấn đề xã hội tốt hơn so với các nước tư bản có cùng mức phát triển kinh tế, bởi nét riêng trong định hướng xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội trong suốt quá trình phát triển. Khi áp dụng kinh tế thị trường để phát triển đất nước là Đảng ta đã sáng suốt áp dụng thành tựu của nhân loại trong cách thức phát triển kinh tế, nhưng đồng thời gắn thêm định hướng xã hội chủ nghĩa để bảo đảm xã hội sẽ phát triển bền vững, nhân văn.

Ba là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển kinh tế phải đi liền với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội; thực hiện thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.

Bốn là, tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam phản ánh mục tiêu, phương thức phát triển, phân phối của cơ chế quản lý kinh tế, khai thác tốt nhất lợi thế vốn có của thị trường, đồng thời, khắc phục và hạn chế tới mức thấp nhất những khuyết tật, rủi ro (khủng hoảng, đói nghèo, môi trường...), nhằm phục vụ lợi ích chính đáng của nhân dân, hướng đến các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Nhà nước tham gia vào các quá trình hoạt động của kinh tế thị trường, thực hiện các chức năng quản lý, định hướng và hỗ trợ phát triển; phân phối lại thu nhập quốc dân và bảo vệ môi trường. Kinh tế nhà nước nắm giữ vai trò chủ đạo ở một số lĩnh vực then chốt, là điều kiện có tính nguyên tắc bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu hỏi 24: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế như thế nào?

Đáp:

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó là *một kiểu kinh tế thị trường mới* trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: *sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối*. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Câu hỏi 25: Các thành phần kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hoạt động như thế nào?

Đáp:

Trong bài viết của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khái quát 4 điểm về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

Thứ nhất, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

Thứ hai, các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Thứ tư, Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Câu hỏi 26: Đặc trưng cơ bản và thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là gì?

Đáp:

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có nhiều thuộc tính, trong đó có một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng là “phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển”. Điều này nhất quán với chủ trương lấy con người làm trung tâm, mọi thành quả phát triển đất nước cũng vì con người, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quan điểm trên cho thấy, nước ta “không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

II. Về phát triển văn hóa

Câu hỏi 27: Văn hóa là gì?

Đáp:

Văn hóa là một phạm trù rất rộng, có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều cách tiếp cận khác nhau, rất phong phú, đa dạng. Theo nghĩa rộng, văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định (thời kỳ đồ đá, thời kỳ đồ đồng, văn hóa Đông Sơn, văn hóa lúa nước...). Nghĩa hẹp, văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm những lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức (lối sống, cách cư xử, ứng xử giữa người với người...). Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản phẩm văn hóa: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...). Văn hóa chúng ta bàn ở đây chủ yếu là theo nghĩa hẹp.

Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ (một con người có văn hóa, một gia đình có văn hóa, một dân tộc có văn hóa; lối sống văn hóa, nếp sống văn hóa, cách ứng xử có văn hóa...). Còn những gì xấu xa, việc làm ti tiện, đốn hèn, những hành động phi pháp, bỉ ổi... là vô văn hóa, phi văn hóa, phản văn hóa. Hạnh phúc của con người không phải chỉ chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lẽ phải và công bằng.

Câu hỏi 28: Ngay từ khi mới thành lập đến trước khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, Đảng ta coi trọng phát triển văn hóa như thế nào?

Đáp:

Nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước ta, dân tộc ta, cho nên ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Đảng ta đã đề cập vấn đề phải phát triển văn hóa của dân tộc. Năm 1943, khi nước nhà còn chưa giành được độc lập, Đảng ta đã đề ra *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong đó chỉ rõ “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa)” và chủ trương phát triển văn hóa theo ba hướng: Dân tộc - Khoa học - Đại chúng”. Những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong văn kiện quan trọng này đã tạo ra một luồng sinh khí mới để tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, tập hợp nhân dân phát huy vai trò của văn hóa, thống nhất về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á năm 1945.

Trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược, với khẩu hiệu “Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa”, “xây dựng đời sống mới”, văn hóa Việt Nam đã thực sự trở thành động lực tinh thần để huy động tất cả mọi nguồn lực cho cuộc kháng chiến, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” năm 1954.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nước ta đã tập trung vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng ta đã thường xuyên quan tâm đến công tác văn hóa, động viên và cổ vũ đội ngũ văn nghệ sĩ và những lực lượng làm công tác văn hóa phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng năm 1960 đã xác định mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hóa và áp dụng những nhận thức đó vào việc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, thiết thực phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đảng ta đã nhấn mạnh đến công tác phát triển nền văn nghệ, báo chí, xuất bản, truyền thanh, điện ảnh, thư viện, bảo tồn bảo tàng, nâng cao tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính quần chúng của các công việc đó. Đồng thời, Đảng ta cũng đặc biệt quan tâm đến công tác văn hóa quần chúng, xây dựng các hoạt động và các thiết chế văn hóa ở cơ sở, nâng cao dân trí, xây dựng đời sống văn hóa mới, cải tạo các thói quen và nếp sống cũ, xây dựng thói quen và lối sống mới.

Sự lãnh đạo của Đảng trong suốt thời kỳ từ năm 1960 đến năm 1975 đã góp phần phát huy vai trò của văn hóa Việt Nam thực hiện nhiệm vụ vừa kiến quốc, vừa kháng chiến, huy động được các binh chủng, các lực lượng làm công tác văn hóa của toàn dân tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giành Đại thắng mùa Xuân năm 1975, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đánh giá rất cao về những đóng góp của ngành văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và khẳng định: “Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”.

Từ năm 1975 đến năm 1985 là giai đoạn bản lề chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, đất nước ta phải khắc phục hàng loạt hậu quả của chiến tranh, khôi phục lại các cơ sở kinh tế, văn hóa, giáo dục bị tàn phá; thống nhất về thể chế và thiết chế văn hóa trên phạm vi cả nước. Đồng bào cả nước đã đồng cam, cộng khổ, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng để vượt qua những thách thức do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình hình phức tạp của quốc tế lúc đó gây ra.

Câu hỏi 29: Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, Đảng ta có những chủ trương quan trọng nào để tập trung xây dựng và phát triển

văn hóa?

Đáp:

Trên cơ sở tổng kết những thành tựu đã đạt được về lĩnh vực văn hóa những năm đầu thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là những nghị quyết có ý nghĩa chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng ta đã chọn 8 lĩnh vực để tập trung chỉ đạo, trong đó quan trọng nhất là vấn đề xây dựng con người với trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển*”.

Tiếp đó, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trong Nghị quyết này, Đảng ta tiếp tục khẳng định những quan điểm, nhiệm vụ mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã nêu; đồng thời bổ sung, nhấn mạnh một số vấn đề mới, khẳng định mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ của văn hóa. Về mục tiêu chung, Đảng ta chỉ rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng ta nhấn mạnh, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; làm rõ đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; nhấn mạnh trọng tâm của việc xây dựng văn hóa là xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp...

Cũng trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, Đảng ta đã xác định một số nhiệm vụ mới là xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường văn hóa. Ngày 04/6/2020, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 76-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất

nước.

Câu hỏi 30: Đảng ta từng bước nhận thức về văn hóa như thế nào?

Đáp: Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hoà với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Nói sâu sắc, ngắn gọn như Bác Hồ là: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”.

Câu hỏi 31: Nền văn hóa chúng ta đang xây dựng có đặc điểm gì?

Đáp:

Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, với nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Đồng thời, Đảng ta khẳng định: Con người là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Câu hỏi 32: Trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa được Đảng ta xác định như thế nào?

Đáp:

Đảng ta khẳng định trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế; xây dựng văn hóa trong Đảng và trong hệ thống chính trị; xây dựng văn hóa công chức, văn hóa công vụ, đặc biệt là đạo đức công vụ, chú trọng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Câu hỏi 33: Chủ thể xây dựng và phát triển văn hóa được Đảng ta xác định như thế nào?

Đảng ta xác định, chủ thể xây dựng và phát triển văn hóa là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo; đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đóng vai trò quan trọng; nhấn mạnh đến phát huy tối đa các nguồn lực từ Nhà nước và xã hội, từ trong nước và nước ngoài để phát triển văn hóa.

Câu hỏi 34: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong 35 năm đổi mới, lĩnh vực văn hóa của nước ta đạt những thành tựu gì?

Đáp:

Nhìn lại những thành tựu trên lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong 35 năm đổi mới, chúng ta có quyền tự hào về những đóng góp to lớn của nền văn hóa vào sự nghiệp cứu quốc và kiến quốc. Những thành tựu nổi bật cần khẳng định là nhận thức về văn hóa ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn trên các lĩnh vực, các loại hình; các sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu mới, nhiều mặt của xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa có bước khởi sắc. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới. Xây dựng con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây tác hại đến văn hóa, lối sống được chú trọng. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được biểu dương, lan tỏa vào đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung.

Câu hỏi 35: Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, lĩnh vực văn hóa còn những hạn chế, yếu kém nào?

Đáp:

Thứ nhất, Văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực của sự phát triển bền vững đất nước.

Thứ hai, Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng nặng về chức năng giải trí.

Thứ ba, Phát triển các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, còn thiếu diện, nặng về hình thức, chưa đi vào chiều sâu, thực chất. Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn, tầm cỡ, phản ánh được tầm vóc của sự nghiệp đổi mới, có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng đất nước, xây dựng con người.

Thứ tư, Môi trường văn hóa vẫn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực.

Thứ năm, Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các miền còn lớn. Đời sống văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo còn không ít khó khăn.

Thứ sáu, Nhiều di sản văn hóa quý báu của dân tộc có nguy cơ bị xuống

cấp, mai một, thậm chí bị tiêu vong.

Thứ bảy, Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn lúng túng, chậm trễ, nhất là trong việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa. Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao...

Thứ tám, Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

Thứ chín, Công tác giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài chưa mạnh; tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại còn hạn chế; chưa coi trọng đúng mức và có biện pháp tích cực để giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc của dân tộc; nhiều khi bắt chước nước ngoài một cách nhố nhăng, phản cảm, không có chọn lọc (nói nặng ra là “vô văn hóa”, “phản văn hóa”).

Câu hỏi 36: Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên là gì?

Đáp:

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan vẫn là chính. Đặc biệt là trong công tác lãnh đạo, quản lý, chúng ta chưa nhận thức thật đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về đường lối văn hóa của Đảng, nhất là trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa chậm được đổi mới, chưa thích ứng kịp thời với sự vận động và phát triển văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối văn hóa của Đảng còn thiếu đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả.

Công tác tổ chức và công tác cán bộ trên lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển văn hóa chưa cao.

Câu hỏi 37: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề cập nội dung phát triển văn hóa như thế nào?

Đáp:

Phát triển văn hóa là một trong những vấn đề trọng tâm, một nội dung nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đây là lần đầu tiên trong văn kiện Đại hội Đảng, Đảng ta đề cập một cách toàn diện và sâu sắc đến lĩnh vực văn hóa, từ chủ đề Đại hội đến các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Văn kiện Đại hội đã nhấn mạnh một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt

Nam,... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;... phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”.

Câu hỏi 38: Đảng ta định hướng về văn hóa trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào?

Đáp:

Đảng ta xác định “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Đảng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Câu hỏi 39: Để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa của dân tộc, chúng ta cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm nào?

Đáp:

Một là, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người dân Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030, tầm nhìn đến năm 2045 mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

Hai là, xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Âm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt

Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc.

Ba là, phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hoá: Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh gắn liền với đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, phi văn hóa, phản văn hóa; bảo vệ những giá trị chân - thiện - mỹ. Nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh, hạnh phúc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền của đất nước.

Bốn là, phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân; tôn trọng và bảo vệ sự biểu đạt đa dạng của văn hóa, của người dân, các dân tộc, các vùng, miền; phát triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, bảo đảm sự công bằng. Đề cao, phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, của những người làm công tác văn hóa.

Năm là, chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, để Đảng ta và hệ thống chính trị của nước ta thật sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá con người Việt Nam. Xây dựng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu theo tư tưởng, đạo đức, phong cách văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nâng cao vai trò năng lực lãnh đạo của Đảng; hiệu quả quản lý của Nhà nước; sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp phát triển văn hóa.

Sáu là, xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh.

Câu hỏi 40: Để chấn hưng và phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam cần những giải pháp trọng tâm nào?

Đáp:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa và trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa. Khắc phục tư tưởng “duy kinh tế”, chỉ tập trung cho kinh tế mà ít quan tâm đến văn hóa. Phải quán triệt nghiêm túc quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Đây là quan điểm chỉ đạo rất cơ bản cần phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt trong nhiệm vụ của các ngành, các cấp.

Đối với công tác quản lý nhà nước, cần sớm khắc phục tình trạng chậm trễ chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa, xây dựng con người; đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa.

Thứ hai, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; sớm khắc phục tình trạng chắp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa ở cả trung ương và địa phương. Đặc biệt chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật. Đổi mới chính sách đãi ngộ, sử dụng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa. Tôn vinh tài năng và cống hiến của họ cho sự phát triển văn hóa nước nhà.

Thứ ba, quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới.

Thứ tư, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội... Xây dựng các quy tắc ứng xử văn minh trong các cơ quan công quyền, trong cộng đồng, nhất là trong không gian mạng, trong giới văn nghệ sĩ, v.v..

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực; chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nguồn gốc của mọi sự tham nhũng, tiêu cực, hư hỏng ngay trong ngành văn hóa, các cơ quan làm công tác văn hóa. Chú trọng thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI, XII và đặc biệt là các kết luận, quyết định của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

III. Về quốc phòng, an ninh

Câu hỏi 41: Vì sao Đảng ta phải không ngừng chăm lo, củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại?

Đáp:

Dự báo tình hình thế giới và khu vực còn có nhiều diễn biến mới phức tạp, khó đoán định. Bên cạnh xu thế hòa bình, hợp tác phát triển thì cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo có thể gay gắt hơn. Suy thoái kinh tế thế giới có thể kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng gắn với đại dịch Covid-19. Các thách thức an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu diễn biến phức tạp. Nước ta sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế ngày càng được nâng cao; hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn. Tuy nhiên, bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn (nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch). Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là những thách thức rất lớn, có thể vẫn ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta trong thời gian tới.

Tình hình trên tác động trực tiếp, sâu sắc đến quá trình thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng chăm lo, củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Quân đội; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu hỏi 42: Vì sao Đảng ta luôn lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân Việt Nam?

Đáp:

Ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội kiểu mới, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Việt Nam; đồng thời, khẳng định tính tất yếu phải tổ chức, lãnh đạo để Quân đội trở thành lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ *Chánh cương vắn tắt của Đảng* do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 đã chỉ rõ: Đảng phải “Tổ chức ra quân đội công nông”. Nghị quyết về Đội tự vệ thông qua tại Đại hội I của Đảng (tháng 3/1935) xác định: Công nông cách mạng Tự vệ đội đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của Trung ương, Quân ủy của Đảng Cộng sản; luôn luôn phải giữ quyền chỉ huy nghiêm ngặt của Đảng Cộng sản trong tự vệ thường trực. Trong lãnh đạo xây dựng, phát triển lực lượng, Đảng xác định phải làm cho các đội du kích đi đúng “con đường chính trị”; lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở để đấu tranh vũ trang giành chính

quyền. Khi Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời (ngày 22/12/1944), bên cạnh hệ thống chỉ huy, Đảng lập chi bộ đảng để lãnh đạo Đội thực hiện các nhiệm vụ một cách tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Đây là cơ sở quan trọng để Đội phát huy sức mạnh giành chiến thắng ngay từ trận đầu, mở ra truyền thống “Quyết chiến, quyết thắng” của Quân đội ta.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội được khẳng định ngay từ khi Quân đội mới thành lập, thông qua một cơ chế, phương thức chặt chẽ, phù hợp, bảo đảm cho Quân đội thực sự là “tổ chức quân sự của Đảng”, luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân. Quân đội ta được giáo dục về đường lối, nhiệm vụ của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm được chức năng, nhiệm vụ, đối tượng, đối tác và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn cách mạng. Nhờ đó, tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp công nhân đã thấm nhuần đến từng đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, làm cho Quân đội ta luôn trung thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh để chiến thắng kẻ thù. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, Quân đội đã cùng đồng bào cả nước tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc; từ đánh nhỏ lên đánh lớn, từ đánh du kích lên đánh chính quy, từ tiến công chiến thuật lên tiến công chiến dịch, tiến công và phản công chiến lược, càng đánh càng mạnh, Quân đội ta đã lập nên những chiến công vang dội. Với thắng lợi của chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc Chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Lần đầu tiên trong lịch sử đương đại, một quân đội trang bị vũ khí thô sơ đã đánh bại đội quân nhà nghề, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, Quân đội cùng toàn Đảng, toàn dân ta không quản gian khổ, hy sinh, liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Những thắng lợi to lớn của quân và dân ta ở hai miền Nam - Bắc, đặc biệt là thắng lợi đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng pháo đài bay B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng tháng 12/1972... đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam, cam kết chấm dứt chiến tranh, tạo điều kiện để nước ta tập trung sức mạnh bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc đầy hy sinh, gian khổ nhưng cũng rất hào hùng, oanh liệt.

Không chỉ chiến đấu giải phóng dân tộc mình, với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “giúp nhân dân nước bạn tức là tự mình giúp mình”, Quân đội ta còn sát cánh cùng lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Lào, Campuchia chống kẻ thù chung. Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược vừa kết thúc thắng lợi, Quân đội ta lại bước vào cuộc chiến đấu ác liệt để bảo vệ biên giới và làm nghĩa vụ quốc tế cao cả, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, để lại hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” tốt đẹp trong lòng nhân dân nước bạn.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ đổi mới, Quân đội tiếp tục làm tốt chức năng của đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động, sản xuất; đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ; luôn chủ động tham mưu cho Đảng, Nhà nước về quân sự, quốc phòng, hoạch định đường lối chiến lược bảo vệ Tổ quốc; đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thực hiện tốt công tác đối ngoại quốc phòng, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Cùng với đó, Quân đội luôn gương mẫu thực hiện nhiệm vụ về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chủ động, nhạy bén, tích cực đi đầu trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa”, “dân sự hóa” Quân đội của các thế lực thù địch. Đồng thời, đẩy mạnh công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; giúp dân xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, “thế trận lòng dân” vững chắc, tô thắm thêm phẩm chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới.

Suốt 79 năm qua, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, kể cả trong thời điểm khó khăn, phức tạp nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lãnh đạo *tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân Việt Nam*. Đây là yếu tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và cũng là nhân tố quyết định sự trưởng thành, chiến đấu và chiến thắng của Quân đội. Được sự chăm lo, rèn luyện, lãnh đạo của Đảng, Quân đội ta luôn mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc, giữ vững lý tưởng cách mạng, mục tiêu chiến đấu, bản lĩnh chính trị, thực sự là công cụ sắc bén, lực lượng chính trị tuyệt đối trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, xây đắp nên truyền thống: *“Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”*.

Câu hỏi 43: Để giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, cần thực hiện những nhiệm vụ cơ bản nào?

Đáp:

Để giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, cần thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau:

Trước hết, đẩy mạnh công tác giáo dục, thống nhất nhận thức về sự cần thiết phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức, lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện, luôn mang trong mình bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc, chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vì độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. Vì vậy, Quân ủy Trung ương, lãnh đạo Bộ Quốc phòng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, làm tốt công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng, quán triệt nhiệm vụ cho cán bộ, chiến sĩ Quân đội để không ngừng tu dưỡng, rèn luyện bản chất cách mạng, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tinh thần chiến đấu, thực sự là công cụ sắc bén để bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân. Đồng thời, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện lệch lạc, nhận thức không đúng về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội; bảo đảm cho Quân đội càng tiến lên chính quy, hiện đại thì sự lãnh đạo của Đảng càng phải được giữ vững và tăng cường.

Hai là, tập trung xây dựng Đảng bộ Quân đội thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Chủ động đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng, bảo đảm cho Quân đội luôn trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, Đảng và nhân dân, vững vàng trước những khó khăn, thử thách. Đảng bộ Quân đội tiếp tục gương mẫu, đi đầu trong thực hiện các nghị quyết, chủ trương, quy định của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ trì các cấp, nói đi đôi với làm, cấp trên làm gương cho cấp dưới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nội bộ đoàn kết, thống nhất, trên dưới một lòng. Kiên quyết chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; chạy chức, chạy quyền, tiêu cực, tham nhũng...

Ba là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị chính là giữ vững và phát huy sự lãnh đạo của Đảng đối với các mặt hoạt động, các nhiệm vụ của Quân đội, góp phần xây dựng tổ chức, con người vững mạnh, thiết thực xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị. Đẩy mạnh công tác dân vận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Quân đội, tăng cường đoàn kết quân dân, thực hiện quân với dân một ý chí, củng cố vững chắc “thế trận lòng dân”, nhất là trên các địa bàn chiến lược. Cùng với đó, cần coi trọng việc quán triệt, tổ chức

thực hiện chiến lược cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược vững vàng, kiên định, gương mẫu về phẩm chất đạo đức, lối sống, có số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng cao, thích ứng tốt với sự phát triển của tình hình, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đồng thời, chăm lo xây dựng cơ quan chính trị, đội ngũ cán bộ chính trị vững mạnh về mọi mặt, nhất là khả năng tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng những vấn đề chiến lược, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng Quân đội, sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Cấp ủy các cấp cần nghiên cứu, vận dụng những bài học kinh nghiệm được đúc rút trong thực hiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội; thường xuyên đổi mới phương thức, lề lối làm việc, xác định rõ nguyên tắc, quy chế phối hợp vận hành bộ máy lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong toàn quân. Tích cực nghiên cứu những vấn đề mới, có tính quy luật, nguyên tắc để đề xuất với Đảng, Nhà nước bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối, cơ chế, chính sách đối với Quân đội cho phù hợp với yêu cầu phát triển của tình hình mới.

Năm là, kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch “phi chính trị hóa” Quân đội. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn quân cần chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để bộ đội thấy rõ sự nguy hiểm của âm mưu chia rẽ, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, “phi chính trị hóa” Quân đội. Tập trung quán triệt, thực hiện tốt nhiệm vụ tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong Quân đội. Chủ động thông tin tích cực, kịp thời định hướng tư tưởng trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, góp phần nâng cao sức đề kháng, tinh thần cảnh giác cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ. Các cơ quan nghiên cứu, báo chí, văn hóa - nghệ thuật của Quân đội phải giữ vững định hướng chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ trận địa tư tưởng của Đảng trong Quân đội.

Câu hỏi 44: Trong những năm qua, lực lượng công an có những đóng góp nào đối với sự phát triển đất nước?

Đáp:

Một là, lực lượng Công an nhân dân đã thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đóng góp rất quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đối ngoại của đất nước, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Trong bối cảnh tình hình khủng bố, phá hoại, xung đột sắc tộc, dân tộc, tôn giáo, tranh giành quyền lực, đảo chính, chiến tranh cục bộ diễn ra phức tạp ở nhiều nơi trên thế giới, đất nước ta vẫn giữ vững được ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật

tự, an toàn xã hội, được cộng đồng quốc tế đánh giá là đất nước thanh bình, là điểm đến an toàn của bạn bè quốc tế.

Kết quả đó khẳng định công lao rất lớn của lực lượng Công an trong chủ động nắm, phân tích, dự báo sát đúng tình hình; thực hiện tốt chức năng tham mưu với Đảng, Nhà nước trong hoạch định các chủ trương, chính sách, hoàn thiện thể chế và huy động các nguồn lực để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh, an toàn xã hội. Tập trung đấu tranh quyết liệt, có hiệu quả với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động khủng bố, xử lý nhiều vụ kích động chống phá, biểu tình gây rối an ninh, trật tự, không để phức tạp kéo dài, lan rộng. Công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật đạt hiệu quả cao. Chất lượng điều tra, khám phá án được nâng lên. Do đó đã kiềm chế được sự gia tăng của tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội.

Riêng trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xã hội, lực lượng công an đã chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; tổ chức đồng bộ, có hiệu quả các mặt công tác, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tư pháp và với Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước đánh đúng, đánh trúng nhiều tổ chức tội phạm, tạo sức răn đe, cảnh tỉnh, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, củng cố được niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, giữ được ổn định chính trị - xã hội để phát triển đất nước.

Hai là, lực lượng Công an đã tích cực triển khai thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp theo các nghị quyết số 04, 18 và 26 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an đã chú ý phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và người đứng đầu đơn vị; chủ động đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, đẩy mạnh các phong trào thi đua, xây dựng phong cách làm việc gần dân, sâu sát cơ sở. Khẩn trương sắp xếp đội ngũ cán bộ đồng thời với việc đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy; thẳng thắn chỉ ra, xử lý và đề xuất xử lý một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật; xử lý nhiều vấn đề tồn tại về công tác cán bộ từ những năm trước, nhiệm kỳ trước, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo chỉ huy cao cấp, bước đầu ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái.

Ba là, công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật về an ninh, trật tự được chú trọng; cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính trong lực lượng Công an được đẩy mạnh; bước đầu củng cố vững chắc, đồng bộ hơn các cơ sở pháp lý trong tổ chức và hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, quản lý cư trú, quản lý giáo dục phạm nhân, trật tự an toàn giao

thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống ma túy được tăng cường đồng bộ và có chuyển biến tích cực. Đã chú trọng việc phối hợp công tác, huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng Công an, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với Quân đội và các cơ quan tư pháp, nội chính trong điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ án nghiêm trọng, giải quyết ổn định nhiều vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự ngay từ đầu và từ cơ sở.

Bốn là, vị thế của lực lượng Công an trong khu vực và quốc tế được nâng cao thông qua những nỗ lực tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt đã triển khai có hiệu quả cơ chế đối thoại an ninh với nhiều đối tác quan trọng, góp phần xây dựng và tăng cường tin cậy chính trị. Công an Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng trong giải quyết các vấn đề quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm; tham gia sâu rộng, có hiệu quả và thực chất hơn vào các cơ chế hợp tác an ninh khu vực và toàn cầu; tạo được thế trận mới, vững chắc, đóng góp có hiệu quả trong thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, xây dựng môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực và quốc tế.

Câu hỏi 45: Trong thời gian tới, công tác giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của lực lượng Công an phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nào?

Đáp:

Do tác động của tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, nhất là sự điều chỉnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng quyết liệt, chủ nghĩa bảo hộ tăng mạnh ở nhiều nước; các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống diễn ra gay gắt.

Nguy cơ đe dọa chủ quyền lãnh thổ gắn với thách thức trong xử lý quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn gia tăng.

Nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với suy giảm lòng tin của một bộ phận nhân dân rất đáng lo ngại.

Âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch ngày càng thâm độc, nguy hiểm hơn.

Tội phạm, cháy nổ, tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong Nhân dân và bất an trong xã hội.

Câu hỏi 46: Tổng Bí thư đã chỉ ra những giải pháp trọng tâm nào để xây dựng và phát triển lực lượng Công an Nhân dân trong thời gian tới?

Trả lời:

Thứ nhất, mọi hoạt động của lực lượng công an phải tuân thủ và bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước, phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước. Nhanh chóng hoàn thiện cơ chế, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy và tổ

chức đảng trong công an các cấp, thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy.

Thứ hai, giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống; tuyệt đối không chủ quan, lơ là; không để bị động, bất ngờ. Chủ động dự báo sớm, đánh giá đúng tình hình; nhận diện rõ các nguy cơ, mối đe dọa đến lợi ích quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách, giải pháp lớn có tính chiến lược trong xử lý các vấn đề về an ninh, trật tự.

Không ngừng đổi mới các mặt công tác để chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, ngăn ngừa khủng bố, gây rối, phá hoại; ứng phó có hiệu quả với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và các vấn đề phức tạp nổi lên về an ninh, trật tự. Kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ; kiên quyết tấn công, trấn áp mạnh, xử lý nghiêm, đúng pháp luật, làm giảm các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, không để hình thành các băng nhóm, tổ chức tội phạm hoạt động “lộng hành” theo kiểu “xã hội đen”, bảo đảm trật tự, kỷ cương, cuộc sống bình yên, an toàn của nhân dân.

Thứ ba, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong phòng ngừa, đấu tranh, không để kẻ địch, phân tử xấu thâm nhập, lôi kéo, móc nối, tác động “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; bảo đảm mọi chủ trương, đường lối của Đảng phải được thực hiện có hiệu quả trong thực tế. Đề cao cảnh giác, kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm thù địch, sai trái; vạch trần những âm mưu và hành động lợi dụng một số vụ án, vụ việc tiêu cực để làm tổn hại tới khối đại đoàn kết toàn dân, hạ thấp vai trò, uy tín của Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang nhân dân.

Thứ tư, nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả phối hợp, hiệp đồng tác chiến giữa Công an nhân dân với Quân đội nhân dân và các cấp, các ngành trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tích cực tham mưu cho Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố thế trận “lòng dân”, nhất là ở các địa bàn chiến lược, tuyến biên giới, biển, đảo, vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo tôn giáo, các khu đô thị, khu công nghiệp lớn.

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế, tiếp tục củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác liên quan với các nước và các tổ chức quốc tế, kiên quyết đấu tranh với những hoạt động lợi dụng dân chủ, nhân quyền hòng chống phá đất nước ta của các thế lực thù địch; chủ động triển khai các biện pháp bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội từ sớm, từ xa, từ bên ngoài biên giới, lãnh thổ, góp phần thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

Thứ năm, tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để tiếp tục xây dựng lực lượng công an thật sự trong sạch, vững mạnh, gần dân, sâu sát cơ sở, xứng đáng là lực lượng trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chú trọng công tác giáo dục, rèn luyện cán bộ, chiến sĩ về đạo đức, lối sống, tác phong công tác, thái độ vì nhân dân phục vụ; phát huy tốt nhất hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy sau khi được sắp xếp kiện toàn.

Mỗi cán bộ, chiến sĩ công an phải nêu cao ý chí chiến đấu, thường xuyên tự soi, tự sửa, tự tu dưỡng, rèn luyện theo các yêu cầu về tư cách, phẩm chất, xây dựng cho bằng được các mối quan hệ (với tự mình, với đồng sự, với Chính phủ, với Nhân dân, với đối tượng, đối tác và kẻ địch) như Sáu điều Bác Hồ đã dạy. Có như thế mới bảo vệ được uy tín, danh dự và phát huy truyền thống anh hùng, cách mạng của lực lượng Công an nhân dân.

IV. Về đối ngoại

Câu hỏi 47: Nguyên tắc bất biến, sợi chỉ đỏ trong trong toàn bộ hoạt động của đất nước ta trên lĩnh vực ngoại giao qua hàng nghìn năm lịch sử là gì?

Đáp:

Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, độc lập, tự cường và bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc luôn luôn là nguyên tắc bất biến, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của nước ta. Bên cạnh các cuộc chiến đấu ngoan cường bảo vệ giang sơn, độc lập, chủ quyền của đất nước, ông cha ta đã luôn luôn chú trọng hoạt động đối ngoại, tạo dựng nên những truyền thống và bản sắc riêng, rất độc đáo của nền ngoại giao và hoạt động đối ngoại Việt Nam: *Đầy hào khí giàu tính nhân văn, hoà hiếu, trọng lễ phải, công lý và chính nghĩa*: “*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/Lấy chí nhân để thay cường bạo!*”; “*Dập tắt “chiến tranh cho muôn đời!*”; “*Mở rộng nền thái bình muôn thuở!*” (Nguyễn Trãi). Dùng đối ngoại để phòng ngừa, ngăn chặn chiến tranh hoặc để sớm kết thúc chiến tranh trong vị thế có lợi nhất; đối ngoại phải luôn luôn phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp đối nội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là *những tư tưởng, triết lý vượt thời đại của cha ông ta*, mãi mãi vẫn còn nguyên giá trị.

Câu hỏi 48: Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển nền ngoại giao Việt Nam hiện đại và đậm đà bản sắc dân tộc?

Đáp:

Là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã đặt nền móng, trực tiếp chỉ đạo và dẫn dắt sự phát triển của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam. Những nội dung cơ bản của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đều bắt nguồn từ triết lý và truyền thống ngoại giao của ông cha ta, và chính Người đã phát triển những giá trị đó lên tầm cao

mới; kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước, văn hóa dân tộc, truyền thống ngoại giao Việt Nam với tinh hoa văn hóa và kinh nghiệm ngoại giao thế giới. Trong đó, luôn luôn đề cao mục tiêu *độc lập dân tộc, tinh thần hoà hiếu, hữu nghị*, dùng ngoại giao để đẩy lùi xung đột; gắn với thực tiễn của thế giới, để đưa Việt Nam hòa nhập vào dòng chảy của thời đại. Người chủ trương: Độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tự lực, tự cường phải gắn với đoàn kết quốc tế; phát huy sức mạnh dân tộc gắn với sức mạnh thời đại; chăm lo, xây dựng mối quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng, bạn bè truyền thống và nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

Trong hoạt động đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quán triệt quan điểm chỉ đạo là “*phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ*” để biết mình, biết người, luôn làm chủ tình thế; hiểu rõ vị trí chiến lược của Việt Nam trong mối quan hệ giữa các nước lớn. Người đặc biệt coi trọng việc xử lý khéo léo quan hệ với các nước, nhất là các nước láng giềng và các nước lớn; luôn chủ trương tôn trọng và giữ thể diện cho nước lớn; luôn luôn phải “biết mình, biết người”, “biết thời, biết thế” để “*cương nhu kết hợp*” vì lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn đất nước phải chịu cảnh chiến tranh và cũng không muốn chiến tranh xảy ra với các nước khác. Chính tư tưởng nhân văn, nhân đạo của Người, đề cao chính nghĩa, đạo lý vì hòa bình và cuộc sống độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân tất cả các dân tộc là biểu hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn nhất giữa *văn hóa của dân tộc* với *văn hóa của nhân loại*. Với tư tưởng nhân văn ấy, trong hoạt động ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương phải phát huy vai trò của luật pháp quốc tế, vận dụng những giá trị của văn hóa và của ngoại giao truyền thống Việt Nam, cũng như các tư tưởng phổ biến, tiến bộ của nhân loại, chú ý tìm ra những điểm tương đồng, nêu cao tính nhân văn, nhân nghĩa và đạo lý, pháp lý trong quan hệ quốc tế để thuyết phục, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới... Nhờ đó, cùng với các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa,... mặt trận ngoại giao luôn luôn đóng vai trò trọng yếu trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, góp phần tạo nên những thắng lợi hết sức to lớn, làm rạng rỡ lịch sử của dân tộc.

Câu hỏi 49: Trong 35 năm đổi, phát huy truyền thống đối ngoại vẻ vang của dân tộc, nhất là tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã kế thừa và bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối đối ngoại như thế nào?

Đáp:

Trong 35 năm đổi mới, kế thừa và phát huy truyền thống đối ngoại vẻ vang của dân tộc, nhất là tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đặt nền móng cho nền ngoại giao Thời đại Hồ Chí Minh, Đảng ta đã kế thừa và không ngừng bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở vì hoà bình, hợp tác và phát triển, thực thi chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đến Đại hội XIII của Đảng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã thống nhất rất cao về nhận thức và

quyết tâm “*Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế*”.

Câu hỏi 50: Hiểu như thế nào về bản sắc “cây tre Việt Nam” trong xây dựng đường lối đối ngoại của Đảng ta?

Đáp:

Hơn 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc đối ngoại, ngoại giao và văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và tư tưởng tiên bộ của thời đại, chúng ta đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc “*cây tre Việt Nam*”, “*gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển*”, “*Thân gầy guộc, lá mong manh, mà sao nên lũy, nên thành tre ơi!*”, thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam. Đó là: Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, “*tùy cơ ứng biến*”, “*lạt mềm buộc chặt*”.

Câu hỏi 51: Sau 35 năm đổi mới, từ phá thế bị bao vây, cấm vận, nước ta đã tạo dựng và củng cố cục diện đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, thuận lợi cho công cuộc đổi mới như thế nào?

Đáp:

Nước ta đã mở rộng và nâng tầm quan hệ ngoại giao với tất cả các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống, từ đó tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của quốc tế đối với công cuộc đổi mới của nhân dân ta. Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189 nước trong tổng số 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, trong đó 3 nước có “*quan hệ đặc biệt*”, 17 nước “*đối tác chiến lược*” và 13 nước “*đối tác toàn diện*”. Trên bình diện đa phương, Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM, WTO, v.v..

Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và đối ngoại của các ngành, lĩnh vực, địa phương, doanh nghiệp ngày càng mở rộng, chủ động, tích cực và đi vào chiều sâu. Trong đó, Đảng ta đã có quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, bao gồm khoảng 90 đảng cộng sản và công nhân

quốc tế, các đảng cầm quyền và tham chính có vai trò quan trọng. Quốc hội có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 quốc gia và tham gia tích cực tại nhiều diễn đàn nghị viện quốc tế quan trọng. Hoạt động đối ngoại của Chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội được đẩy mạnh, góp phần tăng cường sự tin cậy chính trị và đan xen lợi ích với các đối tác. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức hữu nghị của nhân dân cũng đã triển khai đối ngoại thiết thực, góp phần củng cố quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước, quảng bá sâu rộng công cuộc đổi mới, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới.

Câu hỏi 52: Nước ta đã tạo dựng được môi trường quốc tế thuận lợi và huy động được các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội như thế nào?

Đáp:

Từ một nước có nền kinh tế kế hoạch tập trung, bị bao vây, cấm vận, đến nay nước ta đã trở thành một nước có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa liên kết kinh tế sâu rộng; đã ký 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 3 FTA thế hệ mới có tiêu chuẩn rất cao, và mạng lưới liên kết kinh tế sâu rộng với hầu hết các nền kinh tế quan trọng trên thế giới. Nếu cách đây 30 năm, chúng ta mới có quan hệ kinh tế - thương mại với gần 30 nước và vùng lãnh thổ thì đến nay đã có quan hệ kinh tế - thương mại với 230 nước và vùng lãnh thổ; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đến nay đã đạt khoảng 600 tỉ USD, gấp khoảng 120 lần so với những năm đầu của thời kỳ đổi mới.

Nước ta đã thu hút được hơn 400 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó đã giải ngân được khoảng 250 tỉ USD, v.v.. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài cũng đã huy động được nguồn lực to lớn của kiều bào để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Việt Nam đã chủ động đóng góp có trách nhiệm vào sự nỗ lực chung của quốc tế trong phòng, chống đại dịch Covid-19, đồng thời tranh thủ được sự hỗ trợ của quốc tế về vắc xin, thiết bị y tế và thuốc điều trị, đóng góp quan trọng vào việc phòng, chống đại dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Câu hỏi 53: Công tác đối ngoại đóng vai trò gì trong việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước?

Đáp:

Qua 35 năm đổi mới, đối ngoại đóng vai trò tiên phong trong việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Các vấn đề biên giới với các nước liên quan từng bước được giải quyết, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để bảo vệ chủ quyền, giữ vững đường

biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần vào việc củng cố hòa bình, ổn định trong khu vực. Đối với những vấn đề phức tạp về biên giới lãnh thổ, chúng ta luôn giữ nguyên cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác, tích cực trao đổi, đàm phán với các nước liên quan kiểm soát bất đồng, tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài cho các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Câu hỏi 54: Việt Nam đã có những đóng góp tích cực gì vào việc giữ vững hòa bình, hợp tác phát triển và tiến bộ trên thế giới?

Đáp:

Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn và hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế quan trọng với tư cách Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch luân phiên ASEAN, chủ nhà Hội nghị cấp cao ASEM, Hội nghị thượng đỉnh APEC, Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN...; đã cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc ở châu Phi. Trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, tiếng nói, sáng kiến và cách thức giải quyết có lý, có tình, trên tinh thần bình đẳng, hoà hiếu và nhân văn của nước ta đã nhận được sự đồng tình và ủng hộ của cộng đồng quốc tế, nhờ đó vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Câu hỏi 55: Công tác đối ngoại của nước ta thời gian qua còn có những hạn chế nào?

Đáp:

Hoạt động đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có lúc, có việc chưa thật chủ động và hiệu quả chưa cao.

Nước ta còn thiếu những giải pháp đồng bộ, hữu hiệu để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế; nhận thức và chỉ đạo thực tiễn có lúc chưa theo kịp những chuyển biến mau lẹ, phức tạp của tình hình; sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành, các cấp, các địa phương còn thiếu chặt chẽ; công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình chưa thật bài bản, kết quả chưa được như mong muốn.

Câu hỏi 56: Đại hội XIII của Đảng đã đề ra những chủ trương, đường lối đối ngoại nào trong thời kỳ mới?

Đáp:

Về tư tưởng chỉ đạo: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Ý chí tự lực, tự cường và nội lực là quyết định, cơ bản, lâu dài; sự ủng hộ, giúp đỡ và nguồn lực từ bên ngoài là vô cùng quan trọng.

Về nguyên tắc đối ngoại: Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.

Về phương hướng đối ngoại: Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, bao gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; đối ngoại của các cấp, các ngành, các địa phương, các cơ quan, đơn vị, cộng đồng các doanh nghiệp. Đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, thực chất, thiết thực; huy động và kết hợp có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài với nguồn lực trong nước để phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Không ngừng đổi mới, sáng tạo trên cơ sở vận dụng nhuần nhuyễn bài học “đĩ bất biến, ứng vạn biến”, kiên định về nguyên tắc, chiến lược, linh hoạt về phương pháp, sách lược.

Nhiệm vụ cơ bản của đối ngoại: Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước. Các nhiệm vụ này có quan hệ chặt chẽ, tương hỗ lẫn nhau, trong đó giữ vững hòa bình, ổn định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phục vụ phát triển đất nước là nhiệm vụ trung tâm; nâng cao vị thế và uy tín của đất nước là nhiệm vụ quan trọng.

Câu hỏi 57: Tổng Bí thư đã chỉ ra những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng nào cho công tác đối ngoại trong thời gian tới?

Đáp:

Một là, tiếp tục thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, nắm chắc diễn biến tình hình để kịp thời có giải pháp thích hợp trong công tác đối ngoại. Xây dựng vị thế và tâm thế mới của Việt Nam trong ứng xử và xử lý mối quan hệ với các nước, song phương cũng như đa phương. Đồng thời, cũng phải đẩy mạnh đổi mới tư duy, mạnh dạn đột phá, sáng tạo trong công tác, tìm ra cách làm mới, mở rộng ra các lĩnh vực mới, tìm kiếm các đối tác mới, hướng đi mới.

Hai là, tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện đúng đắn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, vì lợi ích quốc gia - dân tộc; vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vận dụng đúng đắn quan điểm về “đối tượng”, “đối tác”; tăng cường hợp tác, tiếp tục tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước, ngăn ngừa xung đột, tránh đối đầu, bị cô lập, phụ thuộc. Trong đó, mục tiêu bao trùm là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện các nhiệm vụ chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chính đáng của nước ta phù hợp với luật pháp quốc tế.

Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị, trong đó ngành Ngoại giao là những người đi đầu. Trước những diễn biến của tình hình

thế giới như đã nói ở trên, việc thực hiện nhiệm vụ bao trùm này sẽ có nhiều thách thức trong thời gian tới.

Để tranh thủ và tận dụng tối đa cơ hội, kiểm soát và hóa giải các thách thức, ứng phó tốt với những chuyên biến bên ngoài, chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ là: “Sự nghiệp làm nên bởi chữ *Đông*”, theo đó phải luôn luôn đề cao việc xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết và đồng thuận trong nước. Có như thế, trong triển khai công tác đối ngoại mới có thể “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”, thực hiện phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”; giữ “trái tim nóng, cái đầu lạnh” và “kiên quyết, kiên trì” để xử lý các thách thức đối ngoại, tranh thủ điểm đồng về lợi ích để thúc đẩy hợp tác và phát triển trên cơ sở bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và tôn trọng luật pháp quốc tế.

Ba là, phát huy tối đa mọi yếu tố thuận lợi của đất nước để chủ động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các cơ chế đa phương, thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030, coi đây là một định hướng chiến lược quan trọng, trong đó có việc xây dựng Chiến lược tổng thể về đối ngoại đến năm 2030. Công việc trọng tâm của thời gian tới là triển khai và phát huy các kết quả quan trọng của các diễn đàn đa phương mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là phối hợp với các đối tác thúc đẩy việc thực hiện các sáng kiến đã được thông qua của Việt Nam. Cần thể hiện vai trò nòng cốt trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN và củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong các cấu trúc an ninh khu vực. Tiếp tục tham gia tích cực trong khuôn khổ hoạt động của Liên hợp quốc, nhất là trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Bốn là, cần mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả các hoạt động đối ngoại, nhất là hợp tác kinh tế, văn hóa và hợp tác trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng với các nước; tiếp tục đưa các mối quan hệ với các đối tác mà nước ta đã có khuôn khổ quan hệ, trước hết là các nước láng giềng và các nước lớn, đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả; ưu tiên duy trì ổn định và giữ đà quan hệ, tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, đồng thời xử lý các khác biệt và vấn đề nảy sinh trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, kiểm soát bất đồng, dựa trên luật pháp quốc tế và thông lệ khu vực.

Năm là, hết sức coi trọng, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược, tập trung đánh giá kỹ các xu hướng vận động trong chính sách và quan hệ giữa các nước lớn, các nước láng giềng, khu vực, các xu hướng chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội trên thế giới và khu vực, nhất là trước tác động như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và sự nguy hại của dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Trong trung và dài hạn, phải dự báo trước các kịch bản về những biến đổi trong trật tự thế giới, khu vực và chuẩn bị sẵn các phương án để ứng phó. Phải nhận thức rõ những điểm mạnh, điểm yếu của mình; tinh táo xác định giá trị và vị trí chiến

lược của đất nước trong tình hình mới để hoạch định chiến lược, chính sách cho phù hợp.

Sáu là, chú trọng công tác xây dựng tổ chức, bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ.

Câu hỏi 58: Để phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước, trong thời gian tới, cần làm gì để nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế?

Đáp:

Ưu tiên tìm kiếm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và lao động Việt Nam, thu hút nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, nhất là FDI hướng vào các lĩnh vực ưu tiên của đất nước. Tích cực cùng các nước thúc đẩy đàm phán, ký kết, phê chuẩn và thực hiện các thỏa thuận FTA đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các sáng kiến đa phương trong khu vực về kết nối kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng; tiến hành đàm phán các FTA song phương thể hệ mới với các nước, nhất là với các đối tác thương mại lớn. Triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa công tác người Việt Nam ở nước ngoài theo đúng tinh thần người Việt Nam ở nước ngoài là máu thịt, là một bộ phận không tách rời và là một nguồn lực quan trọng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Các cơ quan có trách nhiệm cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, cơ chế, luật pháp, tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tham gia ngày càng tích cực, sâu rộng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc để yên tâm hoà hợp, sinh sống, làm việc, học tập, giữ gìn tiếng Việt và bản sắc văn hóa của dân tộc ta.

V. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Câu hỏi 59: Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân là mối quan hệ như thế nào?

Đáp:

Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước *đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.* Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.*

Câu hỏi 60: Tại sao nói dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa?

Đáp:

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ

trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Nước ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội.

Câu hỏi 61: Về bản chất, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác với nhà nước pháp quyền tư sản ở chỗ nào?

Đáp:

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về *bản chất* khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số Nhân dân.

Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân.

Câu hỏi 62: Có phải sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và đảm bảo cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa?

Đáp:

Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta *đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa*. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi Đảng cầm quyền, lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình và do đó Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc.

Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương

mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ. Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hóa..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Câu hỏi 63: Từ quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong hơn 90 năm qua Đảng ta đã hun đúc nên *những truyền thống vẻ vang* nào?

Đáp:

Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam trong hơn 90 năm qua, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của nhân dân. Và cũng chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy và đúc rút được nhiều bài học quý báu, hun đúc nên *những truyền thống vẻ vang* mà hôm nay chúng ta có trách nhiệm phải ra sức giữ gìn và phát huy. Đó là những truyền thống sau:

Thứ nhất, truyền thống trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, truyền thống giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng.

Thứ ba, truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu.

Thứ tư, truyền thống đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí.

Thứ năm, truyền thống đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả.

Câu hỏi 64: Vì sao việc đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh được xem là nhiệm vụ then chốt?

Đáp:

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là một sự nghiệp cách mạng vô cùng to lớn, vĩ đại, “một cuộc chiến đấu khổng lồ” như Bác Hồ đã nói,

nhưng cũng cực kỳ khó khăn, phức tạp. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước bên cạnh mặt thuận lợi, thời cơ, cũng có nhiều khó khăn, thách thức. Nước ta đứng trước nhiều vấn đề mới phải xử lý, nhiều việc hết sức phức tạp phải giải quyết. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, hơn bao giờ hết, phải phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách để xây dựng Tổ quốc ta ngày càng đàng hoàng hơn, tươi đẹp hơn. Sự phấn đấu kiên cường, sáng tạo của toàn dân, của các ngành, các địa phương, các thành phần kinh tế là nhân tố cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của đất nước ta.

Đề chăm lo thế nước, vun đắp lòng dân, xây dựng Đảng xứng đáng là “đứa con nòi” của dân tộc, “là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”, dẫn dắt công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên, Đảng ta phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Câu hỏi 65: Từ năm 1986, bước vào công cuộc đổi mới, Đảng ta đã quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng như thế nào?

Đáp:

Từ khi bước vào công cuộc đổi mới (năm 1986), Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, như: Hội nghị Trung ương 3 khóa VII năm 1992 về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII năm 1999 “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay”,... Chỉ tính riêng 10 năm gần đây, ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, các Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều bàn và ban hành những nghị quyết, kết luận, quy định hết sức quan trọng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; lần sau sâu sắc, toàn diện và cụ thể, rõ ràng hơn so với lần trước. Nếu như Hội nghị Trung ương 4 khóa XI mới chỉ tập trung bàn và ra Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng” thì đến Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã có sự bổ sung, đổi mới rất căn bản về phạm vi và nội dung, bao gồm toàn bộ các vấn đề “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và khóa XIII gắn với việc thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 về những điều đảng viên không được làm và quy định 37 QĐ/TW ngày 28/10/2021 về

những điều đảng viên không được làm và đặc biệt là việc thành lập, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và đi vào hoạt động rất có hiệu quả của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đã tạo sự chuyển biến tích cực, rõ rệt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, được Nhân dân tin yêu, đồng tình, ủng hộ, góp phần rất quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nói chung, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế nói riêng của đất nước.

Câu hỏi 66: Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng còn những hạn chế, khuyết điểm nào?

Đáp:

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, đặc biệt là sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói không đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tự phê bình và phê bình; công tác kiểm tra, giám sát của nhiều tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên còn hạn chế.

Hệ thống chính trị ở nước ta chưa thực sự trong sạch, vững mạnh như mong muốn; không ít cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền, làm việc ở những ngành, lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực vẫn thiếu tu dưỡng và rèn luyện, vẫn sa vào chủ nghĩa cá nhân, vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bị xử lý kỷ luật của Đảng và xử lý hình sự.

Cơ chế kiểm soát quyền lực và chế tài xử lý vi phạm ở nhiều lĩnh vực chưa có, hoặc có nhưng chưa cụ thể, thực hiện chưa nghiêm.

Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên chưa hiệu quả chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Câu hỏi 67: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII?

Đáp:

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do khâu tổ chức thực hiện chưa tốt, như:

Một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu, chưa nhận diện đầy đủ mức độ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình;

Chưa quyết tâm và có biện pháp chỉ đạo đủ mạnh, còn thụ động, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên;

Không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa gương mẫu, thẳng thắn phê bình, tự phê bình, đấu tranh với những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thậm chí còn mắc vào chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất; thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân.

Câu hỏi 68: Để thực hiện mục tiêu tổng quát Đại hội XIII của Đảng đã đề ra, nước ta cần phải tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn nào?

Đáp:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu *đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Để thực hiện được mục tiêu to lớn, cao cả đó, cùng với việc khẩn trương, nghiêm túc quán triệt, tổ chức thực hiện ba đột phá chiến lược và các nhiệm vụ, giải pháp mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra, nước ta còn phải tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn:

Giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung tại Đại hội XIII của Đảng là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Câu hỏi 69: Vì sao Đảng ta phải tiếp tục nâng cao hơn nữa bản lĩnh và trí tuệ của mình?

Đáp:

Nước ta triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp,

khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan; cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta. Ở trong nước, dù đạt được những thành tựu rất quan trọng, rất đáng tự hào, nhưng đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế, yếu kém. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị vẫn tiếp tục điên cuồng chống phá nước ta bằng những âm mưu, thủ đoạn hết sức thâm độc, tinh vi, nguy hiểm, xảo quyệt.

Tình hình trên đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục nâng cao hơn nữa bản lĩnh và trí tuệ, thực sự “là đạo đức, là văn minh”; phải nỗ lực hơn nữa trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng ta và hệ thống chính trị nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ, đủ sức để lãnh đạo xây dựng, phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn, trong đó có việc phát huy những tác động tích cực, khắc phục những tác động tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế.

Câu hỏi 70: So với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đã mở rộng phạm vi như thế nào?

Đáp:

Kết luận số 21-KL/TW của Trung ương đã mở rộng, không chỉ trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn bao gồm cả trong xây dựng hệ thống chính trị; không chỉ đối với đảng viên và các cấp ủy, tổ chức đảng mà còn mở rộng ra cả đối với cán bộ, công chức, viên chức, các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị, nhất là ở các cơ quan thực thi pháp luật, những đối tượng có chức, có quyền, những nơi có nhiều đặc quyền, đặc lợi, kể cả các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đúng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là: xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Cùng với ngăn chặn, đẩy lùi còn phải chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những hành vi tham nhũng, tiêu cực... Đồng thời, bổ sung, làm rõ hơn hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo

đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “tiêu cực” sát hợp với tình hình mới. Trong đó nhấn mạnh, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; sa sút về ý chí chiến đấu, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; thậm chí còn phụ họa theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc xây dựng Đảng và tổ chức sinh hoạt đảng. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống thể hiện ở chỗ: sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, hám quyền lực, tham nhũng, tiêu cực; bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của dân. Từ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, cơ hội, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Câu hỏi 71: Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã xác định mục tiêu mới là gì?

Đáp:

Kế thừa, phát huy những kết quả, thành tựu có ý nghĩa lịch sử mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt được qua 35 năm đổi mới, trong đó có những kết quả, thành tích rất quan trọng và những kinh nghiệm, bài học đã đạt được trong 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Kết luận 21-KL/TW đã quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để xác định mục tiêu mới là:

Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa “xây” và “chống”, xây là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chống là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách. Tạo bước phát triển mới của Đảng về trí tuệ, bản lĩnh chính trị, thực sự là đạo đức, là văn minh, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin yêu; đủ uy tín và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu hỏi 72: Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII bổ sung, làm rõ những nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian tới?

Đáp:

Kết luận đã kế thừa, bổ sung, làm rõ hơn và yêu cầu phải tiến hành đồng bộ và quyết liệt hơn nữa nhiều công việc cụ thể, thiết thực, tập trung vào 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp mà Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã đề ra về công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình; về cơ chế, chính sách; về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội. Đồng thời bổ sung, nhấn mạnh thêm nhóm nhiệm vụ, giải pháp về:

“Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; quán triệt sâu sắc vai trò của công tác cán bộ là “then chốt của then chốt”, có ý nghĩa quyết định mọi thành công của cách mạng nước ta, cả trước mắt và lâu dài. Công tác cán bộ phải gắn với việc thực hiện chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, giữ vững vị thế cầm quyền và bảo đảm vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ dù ở vị trí nào cũng phải luôn luôn có ý thức đầy đủ về trách nhiệm của mình, làm “đúng vai, thuộc bài”, thật sự có chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin yêu, quý trọng. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ gắn liền với tăng cường trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu trong công tác cán bộ. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; bảo đảm đúng quy định, quy trình, công tâm, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong từng khâu của công tác cán bộ; không để lọt những người không đủ tiêu chuẩn, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Thực hiện thí điểm một số chủ trương như: Người đứng đầu được lựa chọn, giới thiệu và phải chịu trách nhiệm về việc giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp ủy giới thiệu

để bầu ủy viên ban thường vụ và phải chịu trách nhiệm về việc giới thiệu của mình; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Tổng kết việc thí điểm thi tuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng...

Nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ theo hướng thật sự công tâm, khách quan, có tiêu chí rõ ràng và thông qua sản phẩm cụ thể; gắn việc đánh giá cá nhân với đánh giá tập thể, với kết quả thực tế thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế những cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai phạm; mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm. Tuyệt đối chống tư tưởng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, tiêu cực.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ. Chủ động phát hiện nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược nhiệm kỳ 2025 - 2030 và chuẩn bị cho các nhiệm kỳ tiếp theo, bảo đảm tính kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm số lượng và cơ cấu hợp lý. Công tác luân chuyển cán bộ phải phù hợp với chức danh quy hoạch; bảo đảm cân đối, hài hòa giữa luân chuyển cán bộ với phát triển nguồn cán bộ tại chỗ; luân chuyển ngang và dọc, luân chuyển cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sang các lĩnh vực khác, và ngược lại; tăng cường cán bộ có bản lĩnh, trình độ, năng lực cho địa bàn trọng điểm, lĩnh vực khó khăn, phức tạp; khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương bố trí chức danh lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương.

Câu hỏi 73: Quy định số 37-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về những điều đảng viên không được làm có những điểm mới nào so với Quy định số 47-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

Đáp:

Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Quy định số 47-QĐ/TW ngày 1/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về những điều đảng viên không được làm, Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII đã thống nhất ban hành Quy định số 37-QĐ/TW.

Quy định số 37-QĐ/TW giữ nguyên 19 điều như trước (đưa nội dung của 2 điều vào những điều khác và thêm 2 điều mới), kế thừa cơ bản những nội dung còn phù hợp, bổ sung một số nội dung đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII, XIII. Cụ thể như sau:

Một là, đưa nội dung của 2 điều vào các điều khác:

Đưa nội dung của điều 7 trong Quy định số 47: “Đảng viên (kể cả cấp ủy viên và đảng viên là cán bộ diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy quản lý) tự ứng

cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội (theo quy định phải do tổ chức đảng giới thiệu) khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép” vào Điều 2 Quy định 37.

Đưa nội dung điều 10: “Can thiệp, tác động đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, đi học, đi nước ngoài trái quy định. Lợi dụng chức vụ được giao để chiếm dụng, vay, mượn tiền, tài sản của đối tượng trực tiếp quản lý trái quy định. Ép buộc, mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác” vào nội dung Điều 12 và Điều 13 Quy định số 37.

Hai là, bổ sung hai điều cấm mới

Bổ sung Điều 3, quy định đảng viên không được "phản bác, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không thực hiện trách nhiệm nêu gương; chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, vụ lợi; "tư duy nhiệm kỳ", đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng".

Bổ sung Điều 13 cấm đảng viên "can thiệp, tác động vào hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, giải quyết khiếu nại, tố cáo để bao che, tiếp tay cho các hành vi vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tác động, ép buộc, mua chuộc tổ chức, cá nhân để giảm trách nhiệm, hình phạt cho người khác".

Ba là, sửa đổi, bổ sung một số điều

Quy định số 47, Điều 9 nghiêm cấm đảng viên báo cáo, lập hồ sơ, kê khai lý lịch, lịch sử bản thân không trung thực; kê khai tài sản, thu nhập không đúng quy định; mở tài khoản ở nước ngoài trái quy định; tham gia rửa tiền.

Còn trong Quy định số 37, bổ sung một số hành vi nghiêm cấm. Đó là "không được sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả, không hợp pháp; nhập quốc tịch, chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài, mở tài khoản và mua bán tài sản ở nước ngoài trái quy định".

Điều 11 Quy định số 37 bổ sung nội dung đảng viên không được "lợi dụng chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung để thực hiện hoặc bao che hành vi vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước".

Các hành vi khác được bổ sung vào những điều đảng viên không được làm còn có: Không được "đe dọa, trù dập, trả thù người khiếu nại, tố cáo; không thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật về bảo vệ người tố cáo, phê bình, góp ý"; không được "có hành vi chạy chức chạy quyền", "tham ô" hay "thờ ơ, vô cảm với các hành vi sai trái trong xã hội"...

Bốn là, thay đổi thứ tự một số điều không được làm. Như điều cấm ở vị trí số 2 là không "cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, đăng thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tàng trữ,

tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước" được xếp vị trí thứ tư.

Năm là, chính xác hóa thể thức văn bản và diễn đạt một số điều cho chặt hơn

Quy định số 37 viết rõ thành 19 điều (Điều 1, Điều 2,...), và diễn đạt một số điều bảo đảm chặt chẽ hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn. Chẳng hạn, Quy định 47 viết: "Nói, làm trái, hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép", Quy định số 37 viết: "Nói, viết, làm trái, hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép".

Câu hỏi 74: Làm thế nào để tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng?

Đáp:

Thứ nhất, phải nhận thức thật đầy đủ và sâu sắc mục đích, nghĩa, yêu cầu, nội dung của Kết luận và Quy định, nắm vững những tư tưởng chỉ đạo, những công việc phải làm, trên cơ sở đó có sự thống nhất cao về ý chí, quyết tâm, thấy đầy đủ trách nhiệm của mình để gương mẫu, tự giác thực hiện và chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kết luận và Quy định trên mỗi cương vị công tác tại địa bàn, lĩnh vực do mình phụ trách; mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Thứ hai, các cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị cần xây dựng kế hoạch hành động, chương trình học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận 21/KL-TW, Quy định 37, gắn với tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị mình. Phải làm rất nghiêm túc, thiết thực; có sự phân công trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ; tránh hời hợt, hình thức.

Thứ ba, phải thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm; bao gồm cả việc thực hiện 10 nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, các quy định khác của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kết hợp chặt chẽ giữa "xây và chống", "chống và xây". Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nêu gương những người tốt, việc tốt; ngăn ngừa, cảnh báo, phê phán và xử lý nghiêm những việc làm sai trái; đấu tranh mạnh mẽ chống tham nhũng, hư hỏng, tiêu cực; những hành vi vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; làm mạnh hơn nữa, quyết liệt hơn nữa các công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử... của các cơ quan chức năng; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức

cơ sở đảng; phát huy vai trò giám sát của nhân dân, các đoàn thể, của báo chí và công luận.

Thứ tư, mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là người đứng đầu, người chủ trì phải gương mẫu, tự giác làm trước; nghiêm túc tự phê bình, kiểm điểm, tự soi lại mình, đơn vị mình, gia đình mình, cái gì tốt thì phát huy, cái gì khiếm khuyết thì tự điều chỉnh, cái gì xấu thì tự gột rửa, tự sửa mình. Nghiêm khắc xử lý những trường hợp trù dập phê bình và vu cáo người khác. Tự phê bình và phê bình đòi hỏi mỗi người phải có tinh thần tự giác, trách nhiệm rất cao, có tình thương yêu đồng chí thật sự, và phải có dũng khí đấu tranh thẳng thắn, chân tình. Đây cũng là dịp để hiểu thêm cán bộ, có cơ sở để đánh giá cán bộ, xem xét kết hợp chuẩn bị quy hoạch cán bộ cho thời gian tới.

Thứ năm, phải đặt việc thực hiện Kết luận, Quy định của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tổng thể thực hiện các nghị quyết khác của Trung ương, của Quốc hội, của Chính phủ..., nói rộng ra là trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị thường xuyên của cả hệ thống chính trị, bảo đảm thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại,...

Thứ sáu, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc xây dựng tổ chức, xây dựng con người, là công tác con người, rất dễ đụng chạm đến danh dự, lợi ích, quan hệ của con người, đòi hỏi mỗi chúng ta phải tự phê bình, phân tích, mổ xẻ những ưu, khuyết điểm của chính bản thân mình; phải nhận xét, đánh giá về người khác. Nếu không thật tự giác, chân thành, công tâm, khách quan thì rất dễ chủ quan, thường chỉ thấy ưu điểm, mặt mạnh của mình nhiều hơn người khác; trong khi chỉ thấy khuyết điểm, mặt yếu của người khác nhiều hơn mình.

Câu hỏi 75: Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

Đáp:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống các quan điểm, nhận thức, tư tưởng chỉ đạo rất cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Đó là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại

Câu hỏi 76: Đạo đức Hồ Chí Minh là gì?

Đáp:

Đạo đức Hồ Chí Minh: Là đạo đức cách mạng, là những phẩm chất cao quý của một người cách mạng. Đó là: *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*. Trong đó, *Cần*: Là cần cù, chăm chỉ, tận tụy, hết lòng hết sức vì công việc chung, vì nước, vì dân; *Kiệm*: Là tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí, nhất là đối với của

công; *Liêm*: Là thanh liêm, giữ liêm sỉ, danh dự, trong sạch, trong sáng; *Chính*: Là chính trực, ngay thẳng, khẳng khái, không quy lụy, cúi luồn, giữ sĩ khí của một người quân tử, chính khách; *Chí công vô tư*: Là làm việc vì sự nghiệp chung, đặt lợi ích công lên trên hết, trước hết; không tư lợi, vụ lợi, không vì lợi ích riêng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng. Người thường nói: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

Câu hỏi 77: Phong cách Hồ Chí Minh là gì?

Đáp:

Phong cách Hồ Chí Minh: Là lối sống, tác phong khiêm tốn, giản dị, cầu thị, gần dân, trọng dân, tin dân, học dân, làm việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân; là đây đó của dân chứ không phải “làm quan nhân dân”, không được lên mặt “làm quan cách mạng”. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tự giác học tập, ra sức tu dưỡng, rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ nhận thức, trở thành những con người có văn hóa, có liêm sỉ, “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Câu hỏi 78: Vì sao học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là việc làm rất cần thiết, là nhiệm vụ hết sức quan trọng, thường xuyên, không thể thiếu đối với toàn Đảng, toàn dân ta?

Đáp:

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu là Vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Người chiến sĩ Cộng sản quốc tế mẫu mực, Danh nhân văn hóa thế giới. Người đã đi xa, nhưng di sản Người để lại cho Đảng ta, nhân dân ta là vô cùng đồ sộ và quý giá: Đó là thời đại Hồ Chí Minh; sự nghiệp Hồ Chí Minh; tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; một tấm gương sáng ngời để chúng ta học tập và noi theo. Người là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; kết tinh giá trị đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại. Trọn vẹn cuộc đời, Người đã hiến dâng cho Tổ quốc, đồng bào, cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Một cuộc đời đầy gian khổ hy sinh, nhưng vô cùng oanh liệt, cao thượng; vô cùng phong phú, trong sáng và đẹp đẽ. Một vĩ nhân đã đi vào lịch sử và trở thành huyền thoại ngay từ khi Người còn sống. Cuộc đời và sự nghiệp của Người đã trở thành biểu tượng cách mạng, khơi dậy khát vọng và niềm tin cho nhân dân Việt Nam và nhân dân tiến bộ thế giới trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất

nước ta”.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng ta và nhân dân ta, soi sáng sự nghiệp cách mạng, dẫn dắt mỗi bước đi lên và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là việc làm rất cần thiết, là nhiệm vụ hết sức quan trọng, thường xuyên, không thể thiếu đối với toàn Đảng, toàn dân ta, trước hết là các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên trong tu dưỡng, rèn luyện, cống hiến, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Câu hỏi 79: Trong thời gian qua, việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã đạt được kết quả như thế nào?

Đáp:

Trong thời gian qua, việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được Đảng ta chỉ đạo từ rất sớm, bằng nhiều chỉ thị, nghị quyết, qua nhiều thời kỳ. Gần đây nhất là Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, khá toàn diện, với nhiều cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, có sức lan tỏa sâu rộng trong toàn Đảng và toàn xã hội, được Đại hội XIII của Đảng đánh giá cao, nổi bật là:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, chất lượng. Việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, gắn với trách nhiệm nêu gương có chuyển biến tích cực. Các cấp ủy, cán bộ, đảng viên, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, nhất là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thực hiện nêu gương bằng những việc làm, hành động cụ thể, với phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học tập đi đôi với làm theo”.

Công tác tuyên truyền với nhiều cách làm sáng tạo, có sức tác động, lan tỏa mạnh mẽ đến nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân, làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh từng bước trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng, có tính giáo dục, răn đe cao, phòng ngừa các sai phạm.

Những kết quả tích cực trên đây đã góp phần đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là

cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, tiên phong, gương mẫu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần tạo ra những đột phá trong việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhiều vấn đề khó, phức tạp trong công tác xây dựng Đảng, nhất là gắn với việc chỉnh đốn Đảng, đã được đề cập trong nhiều nhiệm kỳ, và đến nhiệm kỳ Đại hội XII đã được giải quyết có kết quả rõ rệt. Từ trong phong trào học tập và làm theo Bác, đã xuất hiện nhiều tấm gương tập thể, cá nhân tiên tiến, điển hình, thực sự có sức lan tỏa trong xã hội, khơi dậy tình cảm, động lực, tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và mong muốn cống hiến, phụng sự đất nước trong mọi tầng lớp xã hội, cổ vũ toàn thể nhân dân ta kiên định, hăng hái, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi 80: Vì sao Đảng ta đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh?

Đáp:

Sau 35 năm đổi mới, từ một nước nghèo, cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp Việt Nam đã vươn lên đạt nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, “*đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”. Tuy vậy, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo; thuận lợi, thời cơ đan xen với khó khăn, thách thức, đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp, cấp bách hơn đối với công cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã cảnh báo vẫn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Các thế lực thù địch tìm mọi cách tăng cường chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân, hòng lật đổ Đảng ta, chế độ ta. Tình hình này tác động mạnh, nhiều chiều đến đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Câu hỏi 81: Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra như thế nào?

Đáp:

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”; “Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách

Hồ Chí Minh bằng các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Câu hỏi 82: Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đã chú trọng thực hiện những nhiệm vụ quan trọng nào?

Đáp:

Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị tập trung làm tốt ba vấn đề: Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Học tập Bác: Là học tư tưởng, thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, đạo đức cách mạng và phong cách của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Thúc đẩy việc học tập Bác trở thành lối sống, nếp nghĩ, cách làm của từng cán bộ, đảng viên và người dân. Làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự thấm sâu vào đời sống xã hội, thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, cội nguồn sức mạnh to lớn, để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thực sự thấm nhuần tư tưởng của Bác, thống nhất giữa tư tưởng và hành động, giữa lời nói và việc làm. Ai cũng tìm thấy ở đó những chuẩn mực đạo đức cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trở thành nhu cầu, lẽ sống tự nhiên, mong muốn vươn lên, hoàn thiện chính bản thân mình: Bản lĩnh, kiên định, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; gần dân, tin dân, yêu dân, học dân, gần bó máu thịt với nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Qua đó, bồi đắp tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, làm cho đất nước ngày càng phát triển, dân tộc ngày càng cường thịnh, trường tồn.

Với đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được tôi luyện và trưởng thành, Đảng ta sẽ ngày càng tăng cường được sức mạnh, sức chiến đấu và sự trong sáng, xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của nhân dân, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”.

Làm theo Bác: Là thúc đẩy, tạo chuyển biến mạnh mẽ từ “học tập” sang “làm theo”, hiện thực hóa bằng những chương trình hành động cụ thể, việc làm cụ thể, thiết thực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với đề cao chức trách, đạo đức công vụ của mỗi cán bộ, đảng viên; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn, trên nền tảng, kim chỉ nam là tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin trong mọi hành động.

Thấm nhuần tư tưởng của Bác về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả

về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”.

Nêu gương: Là thực hiện đồng thời, gắn kết việc học tập với làm theo Bác và nêu gương. Phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ này, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm *tiên phong, gương mẫu với nêu gương* của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, mà trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần nghiêm túc thực hiện trách nhiệm nêu gương; người có chức vụ càng cao, cương vị càng lớn càng phải gương mẫu trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lễ lối công tác để quần chúng, nhân dân noi theo; phải thể hiện được tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể, theo tinh thần Bác đã dạy: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ*

nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam- Dư luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

2. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, (Bài viết nhân kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021), bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, ngày 15/5/2021).

3. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Quyết tâm chấn hưng và xây dựng thành công một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. (Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 24/11/2021).

4. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc, trường phát ngoại giao “cây tre Việt Nam”*. (Phát biểu tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 14/12/2021).

5. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Kế tục trung thành sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vững bước đi lên Chủ nghĩa xã hội*. (Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020), ngày 18/5/2020).

6. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Ra sức học tập, nỗ lực phấn đấu và rèn luyện, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, (Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, ngày 12/6/2021).

7. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta* (Phát biểu tại Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai Kết luận và Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngày 09/12/2021)

9. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc từ sớm, từ xa*. (Phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, ngày 28/9/2020).

10. Gs. Ts Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Xây dựng lực lượng công an thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng trung thành của Đảng và Nhà nước, Nhân*

dân, (Phát biểu tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 74, ngày 03/01/2019).

Ban Biên tập

- Đồng chí Trần Minh Nam, Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban
- Đồng chí Nguyễn Văn Mười, Phó trưởng Ban Thường trực
- Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng,

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy